

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 702 /QĐ-BD TTG

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục dữ liệu, nhóm thông tin cơ bản và trường thông tin
trong Cơ sở dữ liệu về tôn giáo (phiên bản 1.0)**

BỘ TRƯỞNG BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 297/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 292/QĐ-BKHCN ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 4.0;



Căn cứ Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;

Căn cứ Quyết định số 636/QĐ-BDTTG ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn để kết nối, chia sẻ các dữ liệu theo lĩnh vực quản lý; hoàn thiện các quy định về quản trị dữ liệu, chuẩn hóa dữ liệu đầu vào, cơ chế chia sẻ, kết nối liên thông dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Quyết định số 746/QĐ-BDTTG ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo phê duyệt Chiến lược dữ liệu của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-BDTTG ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành Danh mục dữ liệu gốc, Danh mục dữ liệu chủ, Danh mục dùng chung, Danh mục dữ liệu mở của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-BDTTG ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu của Bộ (phiên bản 1.0);

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dữ liệu, nhóm thông tin cơ bản và các trường thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tôn giáo, phiên bản 1.0 (sau đây gọi là Danh mục).

Điều 2. Mục đích và giá trị sử dụng của Danh mục

1. Danh mục được sử dụng thống nhất làm căn cứ để xác định phạm vi và nội dung dữ liệu cần thu thập, tạo lập và cập nhật trong Cơ sở dữ liệu về tôn giáo; xây dựng, rà soát và chuẩn hóa biểu mẫu thu thập dữ liệu; thiết kế, cấu hình trường thông tin và chức năng xử lý dữ liệu trên Hệ thống thông tin Cơ sở dữ liệu về tôn giáo; xác định nguồn dữ liệu, phương thức tạo lập và cập nhật, cơ quan hoặc đơn vị chịu trách nhiệm nghiệp vụ, mức độ bảo vệ và chế độ chia sẻ dữ liệu; xây dựng Từ điển dữ liệu chi tiết, quy tắc nghiệp vụ, quy tắc chất lượng, danh mục tham chiếu và các tài liệu đặc tả có liên quan; ánh xạ, chuyển đổi, kế thừa, kiểm tra và nghiệm thu dữ liệu, chức năng của Hệ thống thông tin Cơ sở dữ liệu về tôn giáo.

2. Việc phân loại dữ liệu, xác định mức độ bảo vệ và chế độ chia sẻ tại Danh mục là căn cứ để phân quyền và cấu hình biện pháp bảo vệ. Việc khai thác, cung cấp, kết nối hoặc chia sẻ dữ liệu chỉ được thực hiện khi đúng mục đích, thẩm quyền, đối tượng và điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Danh mục không thay thế hồ sơ, văn bản, quyết định hành chính hoặc kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan có thẩm quyền; không làm phát sinh thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ hoặc nghĩa vụ cung cấp thông tin mới.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Ban Tôn giáo Chính phủ có trách nhiệm chủ trì quản lý nội dung nghiệp vụ của Danh mục; hướng dẫn việc sử dụng và áp dụng các trường thông tin; chủ trì xây dựng, quản lý Từ điển dữ liệu chi tiết, quy tắc nghiệp vụ, quy tắc chất lượng và tài liệu đặc tả dữ liệu có liên quan; theo dõi, kiểm tra việc áp dụng Danh mục; tiếp nhận, tổng hợp đề xuất sửa đổi, bổ sung và tham mưu Bộ trưởng xem xét, quyết định.

2. Trung tâm Chuyên đổi số có trách nhiệm chủ trì kỹ thuật; cấu hình mã trường, kiểu dữ liệu, độ dài, định dạng, danh mục tham chiếu, quy tắc kiểm tra và chức năng xử lý dữ liệu trên Hệ thống; bảo đảm sự thống nhất giữa Danh mục, Từ điển dữ liệu, biểu mẫu, cấu trúc dữ liệu và chức năng của Hệ thống; không tự thay đổi tên, mã, nội dung, ý nghĩa, mục đích sử dụng, nguồn hoặc trách nhiệm nghiệp vụ của trường thông tin đã được phê duyệt.

3. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo; cơ quan chuyên môn về công tác tín ngưỡng, tôn giáo các tỉnh, thành phố và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan sử dụng Danh mục trong quá trình thu thập, tạo lập và cập nhật dữ liệu; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và khả năng truy nguyên của dữ liệu do mình cung cấp hoặc xử lý; kịp thời phản ánh nội dung không còn phù hợp hoặc không thể thực hiện.

Điều 4. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và quản lý phiên bản

1. Danh mục được rà soát, sửa đổi, bổ sung khi có thay đổi của pháp luật, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, yêu cầu quản lý, nguồn dữ liệu, yêu cầu kết nối, chia sẻ hoặc khi phát hiện trường thông tin còn thiếu, trùng lặp, không còn cần thiết hoặc không thể thực hiện.

2. Việc bổ sung, loại bỏ hoặc thay đổi danh mục dữ liệu, nhóm thông tin cơ bản, mã trường, tên trường, mô tả ý nghĩa, phạm vi đối tượng, nguồn dữ liệu chính thức, trách nhiệm nghiệp vụ, mức độ bảo vệ hoặc chế độ chia sẻ phải được Bộ trưởng xem xét, quyết định.

3. Việc điều chỉnh đặc tả vật lý, tên kỹ thuật, định dạng kỹ thuật chi tiết, quy tắc kiểm tra tự động, ánh xạ hệ thống hoặc nội dung kỹ thuật khác không làm thay đổi nội dung đã được Bộ trưởng phê duyệt được quản lý trong Từ điển dữ liệu và hồ sơ kỹ thuật theo thẩm quyền; phải ghi nhận phiên bản, nội dung, lý do và thời điểm áp dụng.

4. Khi Danh mục được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành phiên bản mới, dữ liệu đã được tạo lập hợp pháp theo phiên bản trước được kế thừa, đối chiếu, ánh xạ hoặc chuyển đổi; không yêu cầu tạo lập lại nếu dữ liệu vẫn đáp ứng yêu cầu và không làm mất lịch sử.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ, Giám đốc Trung tâm Chuyên đổi số, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc

và Tôn giáo; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *huc*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ;
- Cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, TGCP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hải Trung